

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 04/02/2021.

*“V/v Ly hôn giữa chị NR và
anh R”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

*Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dương
Ông Trương Văn Mên*

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2020/TLST-HNGĐ, ngày 15/12/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐST-HN, ngày 21/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị NR, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp BV, xã NT, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Bị đơn: Anh Thạch R, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp BV, xã NT, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

Người phiên dịch: Ông Kim Na RH, Cán bộ hưu trí. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị NR trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thạch R qua mai mối và tìm hiểu đến ngày 10/02/1987 xác lập quan hệ hôn nhân không có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống chị và anh R có 03 con chung tên Thạch Thị NRa, sinh ngày 21/2/1988 và Thạch VN, sinh ngày 04/11/1992 và Thạch Rạch TN, sinh ngày 17/4/2000 đã thành niên, chị NR cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn anh R thường xuyên uống rượu về chửi chị nhiều lần cuộc sống vợ

chồng không hạnh phúc, tình cảm giữa vợ chồng không còn. Nay chị R yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thạch R.

Về con chung tên: Thạch Thị NRa, sinh ngày 21/2/1988 và Thạch VN, sinh ngày 04/11/1992 và Thạch Rạch TN, sinh ngày 17/4/2000, đã thành niên chị không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị NR không tranh chấp, không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị NR không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Thạch R trình bày:

Về xác lập quan hệ hôn nhân, về kết hôn, về con chung chị NR trình bày là đúng. Về tài sản chung anh không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, về số nợ phải thu, phải trả không có không yêu cầu. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh thừa nhận có uống rượu vợ chồng có cãi nhau do chị NR không lo cho gia đình thường xuyên đi chơi anh có khuyên nhưng chị NR không nghe và bỏ nhà đi bốn tháng nay, từ khi ly thân cho đến nay mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau, mọi nhu cầu thiết yếu hàng ngày mỗi người tự lo liệu để sinh sống.

Nay anh xét thấy còn thương vợ và mong muốn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc; trường hợp ly hôn về con chung Thạch Thị NRa, sinh ngày 21/2/1988 và Thạch VN, sinh ngày 04/11/1992 và Thạch Rạch TN, sinh ngày 17/4/2000 đã thành niên anh không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung của vợ chồng anh không khởi kiện, không tranh chấp và không đặt ra không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có anh không yêu cầu. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị NR, tuyên bố không công nhận chị NR và anh R là vợ chồng, về con chung Thạch Thị NRa, sinh ngày 21/2/1988 và Thạch VN, sinh ngày 04/11/1992 và Thạch Rạch TN, sinh ngày 17/4/2000 đã thành niên anh không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và về số nợ phải thu, phải trả chị NR và anh R không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, án phí chị NR được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Thạch R có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị Thạch Thị NR khởi kiện xin ly hôn với anh Thạch R nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị NR và anh R chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 10/02/1987, nhưng đến nay chị NR và anh R không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Từ đó xác định đây là hôn nhân không hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn chị NR thì cho rằng là do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng về cách ứng xử giao tiếp và lối sống không hợp nhau, vợ chồng cãi nhau thường xuyên, sống không có hạnh phúc, anh R thường đi uống rượu về nhà gây sự, dẫn đến vợ chồng luôn bất hòa với nhau về mọi mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh R cũng thừa nhận có uống rượu và có cãi nhau nhưng không có mâu thuẫn gì lớn nay chị NR yêu cầu ly hôn anh không đồng ý ly hôn với chị NR.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị NR và anh R tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị NR và anh R đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không còn quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, anh chị luôn bất hòa với nhau về mọi mặt và anh, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không quan tâm đến hạnh phúc gia đình mạnh ai nấy sống làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt.

Mặt khác khi xác lập quan hệ hôn nhân, chị NR và anh R có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng chị NR, anh R không đăng ký kết hôn mà lại chung sống với nhau như vợ chồng là vi phạm Điều 09 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 03 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 - Quốc hội khoá X nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay chị NR xác định tình cảm vợ chồng không còn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh R, nghĩ nên tuyên bố không công nhận chị NR và anh R là vợ chồng, là đúng quy định Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Chị NR và anh R có 03 con chung tên Thạch Thị NRa, sinh ngày 21/2/1988 và Thạch VN, sinh ngày 04/11/1992 và Thạch Rạch TN, sinh ngày

17/4/2000 các con đã thành niên, chị NR và anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị NR và anh R không khởi kiện, không tranh chấp. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị NR và anh R không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị NR được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 09, 14, 51, khoản 02 Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 03 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 của Quốc hội khoá X. Kỳ họp thứ 7, thông qua ngày 09/6/2000.

Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Thạch Thị NR.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Thạch Thị NR và anh Thạch R là vợ chồng.

Về nuôi con tên: Chị NR và anh R có 03 con chung tên Thạch Thị NRa, sinh ngày 21/2/1988 và Thạch VN, sinh ngày 04/11/1992 và Thạch Rạch TN, sinh ngày 17/4/2000 các con đã thành niên, chị NR và anh R không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị NR và anh R không khởi kiện, không tranh chấp. Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị NR và anh R không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thạch Thị NR thuộc diện người diện người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Thạch Thị NR được miễn nộp tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã NT,
- huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tranh